

Số: **51** /2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **24** tháng **10** năm **2011**

**THÔNG TƯ**

**Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 1776/UBND-KTN ngày 25 tháng 5 năm 2011;

Trên cơ sở ý kiến của Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 919/SGTVT-QLGTĐT ngày 3 tháng 6 năm 2011 (thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 1389/VP-QLĐT ngày 09 tháng 5 năm 2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng);

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam như sau:

**Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam**

1. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam bao gồm:

a) Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng của cảng biển Kỳ Hà:

- Bến cảng Kỳ Hà: Cầu cảng số 1, cầu cảng số 2 và cầu cảng Gas của Công ty liên doanh Khí đốt Đà Nẵng;

- Bến cảng Tam Hiệp: Cầu cảng số 1.

b) Vùng nước của luồng cảng biển, luồng nhánh cảng biển, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại điểm a khoản này.

2. Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão khác được công bố theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam**

Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam, tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

### 1. Khu vực Kỳ Hà:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm KH1, KH2, KH3 và KH4 có tọa độ sau đây:

- KH1:  $15^{\circ}31'00''\text{N}$ ,  $108^{\circ}40'00''\text{E}$ ;

- KH2:  $15^{\circ}31'00''\text{N}$ ,  $108^{\circ}42'18''\text{E}$ ;

- KH3:  $15^{\circ}28'54''\text{N}$ ,  $108^{\circ}42'18''\text{E}$ ;

- KH4:  $15^{\circ}28'54''\text{N}$ ,  $108^{\circ}41'12''\text{E}$ .

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm KH4 chạy dọc theo mép bờ biển về phía Tây Bắc, qua cửa sông Trường Giang (cửa Lô), tiếp tục chạy theo đường bờ biển qua mũi An Hòa về phía Tây tới điểm KH1.

c) Ranh giới trên sông Trường Giang: từ hai điểm mút của cửa sông Trường Giang (cửa Lô), chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu, qua cửa lạch Đầu Doi (Sâm Riêng) tới đoạn thẳng cắt ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ sau đây:

- TG1:  $15^{\circ}29'24''\text{N}$ ,  $108^{\circ}38'42''\text{E}$ ;

- TG2:  $15^{\circ}28'30''\text{N}$ ,  $108^{\circ}38'42''\text{E}$ .

### 2. Khu vực Tam Hiệp:

a) Ranh giới trên sông Trường Giang: từ đoạn thẳng cắt ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ đã nêu trên, chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu tới đoạn thẳng nối hai điểm TG3 và TG4 có tọa độ sau đây:

- TG3:  $15^{\circ}28'42''\text{N}$ ,  $108^{\circ}37'00''\text{E}$ ;

- TG4:  $15^{\circ}28'06''\text{N}$ ,  $108^{\circ}37'35''\text{E}$ .

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm TG4 chạy dọc theo mép sông Trường Giang về phía Tây Bắc qua cầu cảng số 1 bến cảng Tam Hiệp tới điểm TG3.

### **Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyên tải, khu tránh bão**

Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyên tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam được quy định như sau:

#### **1. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch**

Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ:

15°29'30"N, 108°41'42"E.

#### **2. Khu neo đậu, khu chuyên tải**

a) Khu vực Kỳ Hà: khu neo đậu, khu chuyên tải được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này;

b) Khu vực Tam Hiệp: khu neo đậu, khu chuyên tải là vùng nước được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư này trên sông Trường Giang thuộc xã Tam Hiệp đối diện với bên cảng Tam Hiệp.

3. Khu tránh bão: đối với tàu thuyền neo đậu tại bến cảng Kỳ Hà và bến cảng Tam Hiệp, khi có bão, phải điều động tàu thuyền đi tránh bão ra khỏi vùng nước bến cảng Kỳ Hà và bến cảng Tam Hiệp trên sông Trường Giang.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam**

Cảng vụ hàng hải Quảng Nam có trách nhiệm:

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam;

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyên tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại Điều 3 của Thông tư này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

### **Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam**

Ngoài phạm vi vùng nước cảng biển quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này, Cảng vụ hàng hải Quảng Nam còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Thông tư này.

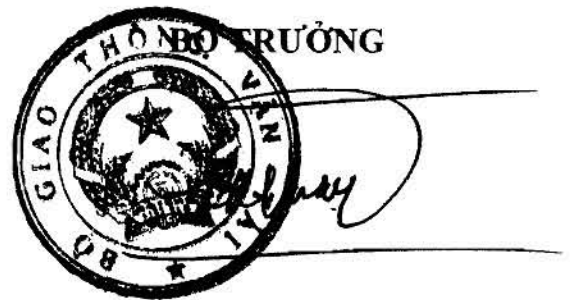
2. Các tọa độ quy định trong Thông tư này được áp dụng theo hệ tọa độ VN 2000 và được chuyển đổi sang các hệ tọa độ tương ứng khác tại Phụ lục kèm theo.

## **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Quảng Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ GTVT;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC.



**Đinh La Thăng**

## PHỤ LỤC TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2011/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### 1. Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà:

#### a. Khu vực Kỳ Hà:

Ranh giới về phía biển, các vị trí có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
KH1	15°31'00"	108°40'00"	15°30'56"	108°39'54"	15°30'56"	108°40'07"
KH2	15°31'00"	108°42'18"	15°30'56"	108°42'12"	15°30'56"	108°42'25"
KH3	15°28'54"	108°42'18"	15°28'50"	108°42'12"	15°28'50"	108°42'25"
KH4	15°28'54"	108°41'12"	15°28'50"	108°41'06"	15°28'50"	108°41'19"

Ranh giới trên-sông Trường Giang, các vị trí có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TG1	15°29'24"	108°38'42"	15°29'20"	108°38'36"	15°29'20"	108°38'49"
TG2	15°28'30"	108°38'42"	15°28'26"	108°38'36"	15°28'26"	108°38'49"

#### b. Khu vực Tam Hiệp:

Ranh giới trên sông Trường Giang, các vị trí có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TG3	15°28'42"	108°37'00"	15°28'38"	108°36'54"	15°28'38"	108°37'07"
TG4	15°28'06"	108°37'35"	15°28'02"	108°37'29"	15°28'02"	108°37'42"

### 2. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch

Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch của cảng biển Kỳ Hà là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
	15°29'30"	108°41'42"	15°29'26"	108°41'36"	15°29'26"	108°41'49"

**BẢNG THUYẾT MINH SO SÁNH**  
**QUYẾT ĐỊNH 09/2007/QĐ-BGTVT VÀ THÔNG TƯ CÔNG BỐ VÙNG NƯỚC QUẢNG NAM**

<p>Quyết định số: 09/2007/QĐ-BGTVT</p>	<p>Thông tư sửa đổi một số điều của Quyết định 09/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007</p>	
<p style="text-align: center;"><b>QUYẾT ĐỊNH</b></p> <p><b>Về việc công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng</b></p> <hr style="width: 20%; margin: auto;"/> <p style="text-align: center;"><b>BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>QUYẾT ĐỊNH THÔNG TƯ</b></p> <p><b>Công bố vùng nướccảng biển thuộc địa phận <del>thành phố Đà Nẵng</del>, tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam</b></p> <hr style="width: 20%; margin: auto;"/> <p style="text-align: center;"><b><del>BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</del></b></p>	<p>Thay tên cho phù hợp</p>
<p>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;</p> <p>Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại công văn số 6167/UBND-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2006;</p>	<p>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;</p> <p>Căn cứ Nghị định số <b>51/2008/NĐ-CP</b> ngày 22 tháng 4 năm <b>2008</b> của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;</p> <p>Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Công văn số <b>1776/UBND-KTN</b> ngày 25 tháng 5 năm <b>2011</b>;</p>	<p>Nghị định 34/2003/NĐ-CP đã được thay thế bởi NĐ 51/2008</p> <p>Điều chỉnh số Công văn</p>

<p>Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại công văn số 3003/UBND-KTN ngày 11 tháng 10 năm 2006;</p> <p>Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,</p> <p style="text-align: center;"><b>QUYẾT ĐỊNH:</b></p>	<p>Trên cơ sở ý kiến của Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng tại Công văn số <b>919/SGTVT-QLGTĐT</b> ngày 3 tháng 6 năm 2011 (thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 1389/VP-QLĐTTh ngày 09 tháng 5 năm 2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng);</p> <p><del>Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,</del></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam như sau:</i></p> <p style="text-align: center;"><b>QUYẾT ĐỊNH:</b></p>	<p>Bổ sung theo đúng mẫu Thông tư</p>
<p><b>Điều 1.</b></p> <p>1. Nay công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, bao gồm:</p> <p>a) Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng của các cảng biển sau đây:</p> <p>- Cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng: Sông Hàn, Tiên Sa, Liên Chiêu, bến cảng chuyên dùng của Công ty PETEC, bến cảng chuyên dùng của Nhà máy xi măng Hải Vân, khu B của Xí nghiệp sửa chữa tàu Hải Sơn, Nguyễn Văn Trỗi, bến cảng Nại Hiên và</p>	<p><b>Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam.</b></p> <p>1. <del>Nay công bố Vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam bao gồm:</del></p> <p>a) <del>Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng của cảng biển Kỳ Hà: sau đây:</del></p> <p><del>Cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng: Sông Hàn, Tiên Sa, Liên Chiêu, bến cảng chuyên dùng của Công ty PETEC, bến cảng chuyên dùng của Nhà máy xi măng Hải Vân, khu B của Xí nghiệp sửa chữa tàu Hải Sơn, Nguyễn Văn Trỗi, bến cảng Nại Hiên và bến</del></p>	<p>Bổ sung tên cho đầy đủ</p> <p>Bổ sung bến phao</p>

<p>bến phao Mỹ Khê.</p> <p>- Cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam: Kỳ Hà, cầu cảng số 2 Kỳ Hà và cầu cảng Gas của Công ty liên doanh Khí đốt Đà Nẵng.</p> <p>b) Vùng nước của luồng cảng biển, luồng nhánh cảng biển, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão khác được công bố theo quy định của pháp luật.</p>	<p><del>phao Mỹ Khê.</del></p> <p><del>- Cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam:</del></p> <p>- <b>Bến cảng Kỳ Hà: Cầu cảng số 1</b>, cầu cảng số 2 và cầu cảng Gas của Công ty liên doanh Khí đốt Đà Nẵng.</p> <p>- <b>Bến cảng Tam Hiệp: Cầu cảng số 1</b></p> <p>b) Vùng nước của luồng cảng biển, luồng nhánh cảng biển, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão khác được công bố theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bỏ vì đã chuyển sang Thông tư công bố vùng nước Quảng Nam</p>
<p><b>Điều 2.</b></p> <p>Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:</p> <p>1. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng:</p> <p>a) Khu vực vịnh Đà Nẵng:</p>	<p><b>Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam</b></p> <p>Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận <del>thành phố Đà Nẵng</del> và tỉnh Quảng Nam, tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:</p> <p><del>1. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng:</del></p>	<p>Bổ sung tên cho đầy đủ</p>



<p>- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối hai điểm ĐN1, ĐN2, có tọa độ sau đây:</p> <p>+ ĐN1: 16<sup>o</sup>12'28"N, 108<sup>o</sup>12'12"E (mép bờ phía Nam hòn Sơn Trà);</p> <p>+ ĐN2: 16<sup>o</sup>09'16"N, 108<sup>o</sup>14'42"E (mép bờ phía Tây Bắc bán đảo Sơn Trà).</p> <p>- Ranh giới về phía đất liền: toàn bộ vùng nước của vịnh Đà Nẵng, được giới hạn cụ thể từ điểm ĐN2 chạy dọc theo đường bờ biển của Vịnh Đà Nẵng về phía Tây bán đảo Sơn Trà, qua cửa sông Hàn, tiếp tục chạy theo đường bờ biển về phía Tây vịnh Đà Nẵng qua mũi Nam Ô và mũi Isabelle lên phía Bắc vịnh Đà Nẵng đến điểm ĐN3 có tọa độ 16<sup>o</sup>12'28"N, 108<sup>o</sup>11'26"E (mép bờ biển phía Đông đèo Hải Vân, giáp tỉnh Thừa Thiên-Huế); từ điểm ĐN3 nối thẳng với điểm ĐN4 có tọa độ 16<sup>o</sup>12'38"N, 108<sup>o</sup>11'42"E (mép bờ phía Tây Nam hòn Sơn Trà) và chạy dọc theo ven bờ phía Tây Nam hòn Sơn Trà kết thúc tại điểm ĐN1.</p> <p>b) Khu vực sông Hàn:</p> <p>Ranh giới được xác định từ hai điểm mút của cửa sông Hàn (giáp với vùng nước vịnh Đà Nẵng) chạy theo hai bờ sông về phía thượng lưu, dọc theo bên trái đập Bắc - Nam đến đường biên hành lang an toàn hạ lưu cầu Nguyễn Văn Trỗi.</p>	<p>a) Khu vực vịnh Đà Nẵng:</p> <p><del>- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối hai điểm ĐN1, ĐN2, có tọa độ sau đây:</del></p> <p><del>ĐN1: 16<sup>o</sup>12'28"N, 108<sup>o</sup>12'12"E (mép bờ phía Nam hòn Sơn Trà);</del></p> <p><del>ĐN2: 16<sup>o</sup>09'16"N, 108<sup>o</sup>14'42"E (mép bờ phía Tây Bắc bán đảo Sơn Trà).</del></p> <p><del>- Ranh giới về phía đất liền: toàn bộ vùng nước của vịnh Đà Nẵng, được giới hạn cụ thể từ điểm ĐN2 chạy dọc theo đường bờ biển của Vịnh Đà Nẵng về phía Tây bán đảo Sơn Trà, qua cửa sông Hàn, tiếp tục chạy theo đường bờ biển về phía Tây vịnh Đà Nẵng, qua mũi Nam Ô và mũi Isabelle, lên phía Bắc vịnh Đà Nẵng đến điểm ĐN3 có tọa độ 16<sup>o</sup>12'28"N, 108<sup>o</sup>11'26"E (mép bờ biển phía Đông đèo Hải Vân, giáp tỉnh Thừa Thiên-Huế); từ điểm ĐN3 nối thẳng với điểm ĐN4 có tọa độ 16<sup>o</sup>12'38"N, 108<sup>o</sup>11'42"E (mép bờ phía Tây Nam hòn Sơn Trà) và chạy dọc theo ven bờ phía Tây Nam hòn Sơn Trà kết thúc tại điểm ĐN1.</del></p> <p>b) Khu vực sông Hàn:</p> <p><del>Ranh giới được xác định từ hai điểm mút của cửa sông Hàn (giáp với vùng nước vịnh Đà Nẵng) chạy theo hai bờ sông về phía thượng lưu cho đến đường biên hành</del></p>	<p>Bỏ vì đã quy định trong Thông tư công bố vùng nước Đà Nẵng</p>
---	--	---

<p>c) Khu vực bến phao Mỹ Khê:</p> <p>- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm MK1, MK2 và MK3 có tọa độ sau đây:</p> <p>+ MK1: 16<sup>0</sup> 03' 00" N; 108<sup>0</sup> 14' 40" E;</p> <p>+ MK2: 16<sup>0</sup> 03' 00" N; 108<sup>0</sup> 18' 00" E;</p> <p>+ MK3: 16<sup>0</sup> 05' 45" N; 108<sup>0</sup> 18' 00" E.</p> <p>- Ranh giới về phía đất liền: từ điểm MK3 chạy dọc theo mép bờ biển phía Đông Nam bán đảo Sơn Trà tới điểm MK1.</p> <p>2. Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam:</p> <p>- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm KH1, KH2, KH3 và KH4 có tọa độ sau đây:</p> <p>+ KH1: 15<sup>0</sup>31'00"N, 108<sup>0</sup>40'00"E;</p> <p>+ KH2: 15<sup>0</sup>31'00"N, 108<sup>0</sup>42'18"E;</p> <p>+ KH3: 15<sup>0</sup>28'54"N, 108<sup>0</sup>42'18"E;</p> <p>+ KH4: 15<sup>0</sup>28'54"N, 108<sup>0</sup>41'12"E.</p> <p>- Ranh giới về phía đất liền: từ điểm KH4 chạy dọc theo mép bờ biển về phía Tây Bắc, qua cửa sông</p>	<p><del>lang an toàn hạ lưu cầu Nguyễn Văn Trỗi.</del></p> <p><del>e) Khu vực bến phao Mỹ Khê:</del></p> <p><del>—Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm MK1, MK2 và MK3 có tọa độ sau đây:</del></p> <p><del>MK1: 16<sup>0</sup> 03' 00" N; 108<sup>0</sup> 14' 40" E;</del></p> <p><del>MK2: 16<sup>0</sup> 03' 00" N; 108<sup>0</sup> 18' 00" E;</del></p> <p><del>MK3: 16<sup>0</sup> 05' 45" N; 108<sup>0</sup> 18' 00" E.</del></p> <p><del>—Ranh giới về phía đất liền: từ điểm MK3 chạy dọc theo mép bờ biển phía Đông Nam bán đảo Sơn Trà tới điểm MK1.</del></p> <p><del>-2. Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam:</del></p> <p><b>1. Khu vực Kỳ Hà:</b></p> <p>a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm KH1, KH2, KH3 và KH4 có tọa độ sau đây:</p> <p>+ KH1: 15<sup>0</sup>31'00"N, 108<sup>0</sup>40'00"E;</p> <p>+ KH2: 15<sup>0</sup>31'00"N, 108<sup>0</sup>42'18"E;</p> <p>+ KH3: 15<sup>0</sup>28'54"N, 108<sup>0</sup>42'18"E;</p> <p>+ KH4: 15<sup>0</sup>28'54"N, 108<sup>0</sup>41'12"E.</p>	
---	--	--

<p>Trường Giang (cửa Lô), tiếp tục chạy theo đường bờ biển qua mũi An Hòa về phía Tây tới điểm KH1.</p> <p>- Ranh giới trên sông Trường Giang: từ hai điểm mút của cửa sông Trường Giang (cửa Lô), chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu, qua cửa lạch Dầu Doi (Sâm Riêng) tới đoạn thẳng cắt ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ sau đây:</p> <p>+ TG1: 15<sup>0</sup> 29' 24" N, 108<sup>0</sup> 38' 42" E;  + TG2: 15<sup>0</sup> 28' 30" N, 108<sup>0</sup> 38' 42" E.</p>	<p><i>b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm KH4 chạy dọc theo mép bờ biển về phía Tây Bắc, qua cửa sông Trường Giang (cửa Lô), tiếp tục chạy theo đường bờ biển qua mũi An Hòa về phía Tây tới điểm KH1.</i></p> <p><i>c) Ranh giới trên sông Trường Giang: từ hai điểm mút của cửa sông Trường Giang (cửa Lô), chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu, qua cửa lạch Dầu Doi (Sâm Riêng) tới đoạn thẳng cắt ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ sau đây:</i></p> <p><i>+ TG1: 15<sup>0</sup> 29' 24" N, 108<sup>0</sup> 38' 42" E;  + TG2: 15<sup>0</sup> 28' 30" N, 108<sup>0</sup> 38' 42" E.</i></p> <p><b>2. Khu vực Tam Hiệp:</b></p> <p><i>a) Ranh giới trên sông Trường Giang: từ đoạn thẳng cắt ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ đã nêu trên, chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu tới đoạn thẳng nối hai điểm TG3 và TG4 có tọa độ sau đây:</i></p> <p><i>TG3: 15°28'42"N, 108°37'00"E;  TG4: 15°28'06"N, 108°37'35"E.</i></p> <p><i>b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm TG4 chạy dọc theo mép sông Trường Giang về phía Tây Bắc qua cầu cảng số 1 bên cảng Tam Hiệp tới điểm TG3.</i></p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p><b>Điều 3.</b></p>	<p><b>Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão</b></p>	<p>Bổ sung tên</p>

<p>Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam được quy định như sau:</p> <p>1. Khu vực vịnh Đà Nẵng:</p> <p>a) Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm có vị trí tại tọa độ: 16<sup>0</sup>10'00"N, 108<sup>0</sup>11'00"E.</p> <p>b) Khu neo đậu, khu chuyển tải và khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Quyết định này.</p> <p>2. Khu vực bến phao Mỹ Khê:</p> <p>a) Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm có vị trí tại tọa độ: 16<sup>0</sup>04'00"N, 108<sup>0</sup>17'00"E.</p> <p>b) Khu neo đậu, khu chuyển tải và khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Quyết định này.</p> <p>3. Khu vực cảng biển Kỳ Hà:</p>	<p>Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam được quy định như sau:</p> <p>1. Khu vực vịnh Đà Nẵng:</p> <p>a) <del>Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm có vị trí tại tọa độ: 16<sup>0</sup>10'00"N, 108<sup>0</sup>11'00"E.</del></p> <p>b) <del>Khu neo đậu, khu chuyển tải và khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.</del></p> <p>2. Khu vực bến phao Mỹ Khê:</p> <p>a) <del>Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm có vị trí tại tọa độ: 16<sup>0</sup>04'00"N, 108<sup>0</sup>17'00"E.</del></p> <p>b) <del>Khu neo đậu, khu chuyển tải và khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.</del></p> <p>3. Khu vực cảng biển Kỳ Hà:</p> <p>a) 1. Vùng đón trả hoa tiêu, và vùng kiểm dịch <i>Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch là vùng</i></p>	<p>cho đầy đủ</p> <p>Bỏ vì đã quy định trong Thông tư công bố vùng nước Đà Nẵng</p>
--	---	---

<p>a) Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm có vị trí tại tọa độ: 15<sup>o</sup>29'30"N, 108<sup>o</sup>41'42"E.</p> <p>b) Khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước cảng Kỳ Hà được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.</p>	<p>nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 15<sup>o</sup>29'30"N, 108<sup>o</sup>41'42"E</p> <p>b) 2. Khu neo đậu, khu chuyển tải, <del>khu tránh bão cho tàu thuyền trong vùng nước cảng Kỳ Hà:</del></p> <p>a) <i>Khu vực Kỳ Hà: khu neo đậu, khu chuyển tải được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định Thông tư này.</i></p> <p>b) <i>Khu vực Tam Hiệp: khu neo đậu, khu chuyển tải là vùng nước được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư này trên sông Trường Giang thuộc xã Tam Hiệp đối diện với bến cảng Tam Hiệp.</i></p> <p>3. Khu tránh bão: <i>đối với tàu thuyền neo đậu tại bến cảng Kỳ Hà và bến cảng Tam Hiệp, khi có bão, phải điều động tàu thuyền đi tránh bão ra khỏi vùng nước bến cảng Kỳ Hà và bến cảng Tam Hiệp trên sông Trường Giang.</i></p>	<p>- Chuyển Khu tránh bão xuống khoản 3</p> <p>- Bổ sung điểm b</p>
<p><b>Điều 4.</b></p> <p>Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng có trách nhiệm:</p> <p>1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại vùng</p>	<p><b>Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải Quảng Nam</b></p> <p>Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng <i>Quảng Nam</i> có trách nhiệm:</p> <p>1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước</p>	<p>Bỏ vì đã quy</p>

<p>nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam;</p> <p>2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại Điều 3 của Quyết định này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.</p>	<p>cảng biển thuộc địa phận <del>thành phố Đà Nẵng</del> và tỉnh Quảng Nam;</p> <p>2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại Điều 3 của <del>Quyết định</del> <b>Thông tư</b> này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.</p>	<p>định trong Thông tư công bố vùng nước Đà Nẵng</p>
<p><b>Điều 5.</b></p> <p>Ngoài phạm vi vùng nước quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định này, Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.</p>	<p><b>Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam</b></p> <p>Ngoài phạm vi vùng nước <i>cộng biển</i> quy định tại Điều 2, Điều 3 của <del>Quyết định</del> <b>Thông tư</b> này, Cảng vụ hàng hải <del>Đà Nẵng</del> <b>Quảng Nam</b> còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và <i>phòng ngừa ô nhiễm môi trường</i> trong vùng biển thuộc địa phận <del>thành phố Đà Nẵng</del> và tỉnh Quảng Nam.</p>	<p>- Thay tên Thông tư</p> <p>- Bỏ vì đã quy định trong Thông tư công bố vùng nước Đà Nẵng</p>
<p><b>Điều 6.</b></p> <p>Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 1330/2003/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng, tỉnh</p>	<p><b>Điều 6. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. <del>Quyết định</del> <b>Thông tư</b> này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. <b>Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Thông tư này.</b></p> <p>2. <i>Các tọa độ quy định trong Thông tư này được áp dụng theo hệ tọa độ VN 2000 và được chuyển đổi</i></p>	<p>Thay tên Thông tư</p>

<p>Quảng Nam và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng.</p>	<p><i>sang các hệ tọa độ tương ứng khác tại Phụ lục kèm theo.</i></p>	<p>Bổ sung mới cho phù hợp</p>
<p><b>Điều 7.</b></p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông công chính thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>	<p><b>Điều 7. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, <del>Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng</del>, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Cảng vụ hàng hải <b>Quảng Nam</b>, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành <del>Quyết định</del> <b>Thông tư</b> này./.</p>	<p>Bỏ vì đã quy định trong Thông tư công bố vùng nước Đà Nẵng</p>
<p><i>Nơi nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Như Điều 7;</li> <li>- Văn phòng Chính phủ;</li> <li>- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;</li> <li>- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;</li> <li>- Các Thứ trưởng;</li> <li>- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);</li> <li>- Công báo;</li> <li>- Website Chính phủ;</li> <li>- Lưu VT, PC (5).</li> </ul>	<p><i>Nơi nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Như Điều 7;</li> <li>- Văn phòng Chính phủ;</li> <li>- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;</li> <li>- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;</li> <li>- Các Thứ trưởng;</li> <li>- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);</li> <li>- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;</li> <li>- Trang thông tin điện tử của Bộ GTVT;</li> <li>- Công báo;</li> <li>- Lưu: VT, PC.</li> </ul>	

